

PHONG TRÀO NGHĨA HỘI QUẢNG NAM (1885-1887)

Ngô Văn Minh*

Lời Tòa soạn: Trong phong trào Cần Vương vào nửa cuối thế kỷ XIX, Quảng Nam là nơi sớm ứng nghĩa với tổ chức Nghĩa hội do Trần Văn Dư, về sau là Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo. Nghĩa hội Quảng Nam đã thu hút rộng rãi sự tham gia của các sĩ phu yêu nước và đông đảo các tầng lớp nhân dân, có phạm vi hoạt động rộng khắp trong tỉnh; được tổ chức quy củ và giữ vai trò hạt nhân của phong trào Nghĩa hội các tỉnh Nam Trung Kỳ. Tuy chỉ tồn tại ngắn ngủi trong 2 năm nhưng phong trào Nghĩa hội Quảng Nam đã chứng tỏ tinh thần yêu nước bất khuất của người dân xứ Quảng, và từ phong trào này đã đào luyện được những người ưu tú để tiếp tục tham gia các phong trào yêu nước vào những năm đầu thế kỷ XX. Nhân kỷ niệm 130 năm phong trào Nghĩa hội Quảng Nam (1885-2015), mời bạn đọc nhìn lại sự kiện này qua bài viết dưới đây của tác giả Ngô Văn Minh.

Là một trong hai tả trực kỳ (cùng với Quảng Ngãi), nhưng là tỉnh sát với kinh đô Huế nên sau khi vua Hàm Nghi lên ngôi, Quảng Nam được phái chủ chiến ở triều đình xem là một địa bàn trọng yếu, liền cho dời Nha Sơn phòng được thiết lập ở làng Đại An Thượng vào năm Tự Đức thứ 28 (1875) đến xây dựng tại làng Dương Hòa thành một hậu cứ quan trọng (còn gọi là sơn phòng Dương Yên, hay sơn phòng Phương Xá),⁽¹⁾ giao cho Tiến sĩ Trần Văn Dư làm Chánh sơn phòng sứ. Ngay sau khi nhận chức vào năm 1884, Trần Văn Dư liền dâng sớ xin sửa chữa Nha Sơn phòng này “để giữ vững mặt tả kỳ”.⁽²⁾ Phái chủ chiến cho mang vào đây 90 gánh vàng bạc, mỗi gánh 2 hòm, mỗi hòm 100 thoi để phòng khi có việc. Nhiều tàu đồng, khí giới,... cũng được chuyển vào cảng Đà Nẵng nhưng bất thành, vì bị các tàu tuần tiễu Pháp bắt được, thu giữ tất cả.

Liên ngay sau khi vụ biến kinh thành Huế xảy ra (05/7/1885), bộ máy nhiếp chính Thọ Xuân Vương ra chỉ dụ điều Trần Văn Dư vào làm Bố chánh tỉnh Bình Thuận, đưa Phó bảng Nguyễn Đình Tự đang là Tế tửu Quốc Tử Giám vào thay chức Sơn phòng sứ Quảng Nam.⁽³⁾ Vẫn biết đây là âm mưu “điệu hổ ly sơn” của triều đình Huế, không nhận chỉ dụ nhưng Trần Văn Dư vẫn giao sơn phòng cho Nguyễn Đình Tự, để chỉ một tháng sau, ngày 29/6 năm Ất Dậu (09/8/1885) tại quê nhà ở làng An Mỹ Tây, huyện Hà Đông,⁽⁴⁾ Trần Văn Dư soạn tờ thông đạt cho sĩ dân trong tỉnh biết nội dung dụ Cần Vương của vua Hàm Nghi và kèm theo lời kêu gọi: “các sĩ phu, thứ dân toàn hạt, không kể quan quân sĩ thứ, ai có lòng thù giặc, xuất gia đầu quân, xuất quỹ nuôi quân, lập trường luyện võ, nhất nhất mưu đồ khởi nghĩa để đánh đuổi quân thù, giành lại quyền lợi cho thứ dân, tôn phò xã tắc lâu dài”.⁽⁵⁾

Ngoài bản thông đạt trên, văn thân Quảng Nam còn có bài hịch kêu gọi sĩ dân trong tỉnh:⁽⁶⁾

*“Khuyên những kẻ hung tàn binh giáp, ra mà ngăn sức ngựa lúc bon chon,
Khuyên những người phúc uẩn kinh luân, ra mà giúp cuộc cờ khi tưng nước.
Binh thì chốn làng đông xã cả, một kẻ theo ngàn kẻ đều theo,
Lương thời nơi phú hộ đại điền, một người nghĩ muôn người cũng nghĩ...”*⁽⁷⁾

* Học viện Chính trị khu vực III, thành phố Đà Nẵng.

Lời dụ của vua Hàm Nghi và nội dung tờ thông đạt của Tiến sĩ Trần Văn Dư, cùng lời hịch của văn thân Quảng Nam như một tiếng kèn xung trận, một đám lửa ném vào đồng rạ khô là lòng dân đang xúc động mãnh liệt, làm hừng hực lên tinh thần kháng Pháp. Cái không khí lúc bấy giờ, như Huỳnh Thúc Kháng viết trong thư kêu gọi đồng bào toàn quốc kháng chiến về sau (01/01/1947) là: *“Nghĩa hội lâm lập, quân hịch phong trì”* (Nghĩa hội mọc lên như rừng rậm, quân hịch truyền khắp như gió bay).⁽⁸⁾

Khắp nơi trong tỉnh, các quan lại có tinh thần chống Pháp, các nhà khoa bảng, cả võ cử, ẩm sinh cũng đứng ra mộ quân lập nên Nghĩa hội Quảng Nam. Lãnh đạo Nghĩa hội, đứng đầu là Hội chủ Trần Văn Dư, kế đến là Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu nguyên giữ chân giảng tập ở Dưỡng Thiện Đường, bỏ dạy về quê mộ nghĩa; các Cử nhân như Phan Bá Phiến nguyên Tri huyện Phù Cát (tỉnh Bình Định) giữ chức Án sát sứ, Huỳnh Bá Chánh nguyên Hành tẩu Cơ Mật Viện giữ chức Bố chánh, Nguyễn Quang Hanh (thường gọi Nguyễn Hanh) nguyên Án sát sứ, bị triều đình hặc tội do không kiên quyết đánh dẹp vụ nổi dậy của Đặng Như Mai và Trần Tấn ở Nghệ An, bỏ về quê nhà, trở thành một tướng tài của Nghĩa hội Quảng Nam, Võ Trọng Địch nguyên được sơ bổ Huấn đạo, tham gia Nghĩa hội giữ chức Chánh huyện hội Quế Sơn; rồi đến các Tú tài như Trần Đình giữ chức Tấn tương quân vụ v.v... Ông Hoàng giáp Phạm Như Xương làm Bố chánh Phú Yên bỏ về quê khi quân Nghĩa hội ở đấy tấn công tỉnh thành cũng được mời ngay vào Nghĩa hội, và là người đã chấp bút thảo bản hịch Văn thân Quảng Nam. Nguyễn Hàm chỉ là một ẩm sanh nhưng cũng đứng ra mộ được mấy trăm nghĩa dân tổ chức một cánh quân ứng nghĩa, được giao chức Tấn tương quân vụ kiêm Thương biện tỉnh vụ khi mới 18 tuổi, người đương thời đánh giá là *“một người trọng yếu trong tấn kích Cần Vương Quảng Nam”*.⁽⁹⁾ Ngoài thành phần lãnh đạo là các văn thân, sĩ phu, quan lại triều đình có tinh thần chủ chiến và một số thân hào, còn lại đông đảo nhất là thứ dân.

Sau khi thành lập Nghĩa hội, Trần Văn Dư kéo nghĩa quân mới chiêu tập được, từ quê nhà An Mỹ Tây lên tái chiếm sơn phòng Dương Yên vào ngày 5/7 năm Ất Dậu (14/8/1885). Nguyễn Đình Tự biết tin trước đã lánh mặt về quê, để lại nguyên cơ ngũ và sơn phòng. Khi Trần Văn Dư đến, *“chỉ bắn một tiếng súng hiệu là toàn phòng rước vị quan cũ, không ai chống cự gì hết”*.⁽¹⁰⁾ Lấy lại sơn phòng, Trần Văn Dư liền giao cho những người thân tín có tinh thần cần vương nắm giữ các cơ, đội nghĩa quân, tổ chức canh phòng, chiêu mộ thêm trai tráng, nâng số nghĩa quân lên hơn ngàn người. Ông chỉ để lại khoảng 200 quân trấn giữ, còn đại quân tiến xuống đánh chiếm huyện đường Hà Đông, sau đó hợp với cánh quân của Nguyễn Hàm đánh chiếm phủ đường Thăng Bình, rồi tiến ra Điện Bàn hợp với các cánh quân của Nguyễn Duy Hiệu từ Thanh Hà kéo lên, các cánh quân của Nguyễn Quang Hanh, Ông Ích Thiện, Ông Ích Kiền từ Hòa Vang tiến vào cùng chiếm tỉnh thành Quảng Nam vào ngày 11/7 Ất Dậu (20/8/1885). Tuần vũ Nguyễn Ngoạn, Bố chánh Bùi Tiến Tiên, Án sát Hà Thúc Quán đều chạy trốn.⁽¹¹⁾ Chiếm được tỉnh thành, Trần Văn Dư cùng các tướng lĩnh lên ngay kế hoạch bố phòng, thao luyện binh sĩ, tích trữ lương thực, vũ khí. Sau đó, Trần Văn Dư ở lại giữ tỉnh thành, Nguyễn Duy Hiệu đem một cánh quân lập phòng tuyến án ngữ mặt trận tây nam Hòa Vang và các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên; Nguyễn Quang Hanh đem quân trấn giữ phía đông Đà Nẵng; Hồ Đức Học,⁽¹²⁾ Nguyễn Hàm thu nhiều vũ khí ở tỉnh thành đưa quân lên lập

căn cứ án ngữ mặt trận tây bắc Hà Đông (vùng La Nga - Cao Ngạn, giáp ranh 3 huyện Thăng Bình - Tiên Phước - Hiệp Đức ngày nay).

Cuối tháng 9/1885, quân Pháp do viên tướng Schanits chỉ huy từ Đà Nẵng tiến vào. Sau một trận kịch chiến chúng phá được phòng tuyến Hòa Vang, tiến vào tỉnh thành (07/10/1885). Nghĩa quân phải tản ra các phủ huyện xung quanh tổ chức chiến đấu kìm chân địch. Tháng 12/1885 quân Pháp chiếm được sơn phòng Dương Yên. Trong tình thế nghĩa quân đang bị vây hãm, Trần Văn Dư phải lên đường ra kinh đô thương thuyết, không ngờ bị Cơ Mật Viện và viên quan đầu tỉnh Quảng Nam Châu Đình Kế lập mưu sát hại. Trước lúc tuần nạn ông còn kịp di bút gửi lại cho gia đình và các đồng chí: *“Nay mai dù thân thể của tôi không vẹn toàn, nhưng tấm lòng vì nghĩa của tôi không hề lay chuyển, dù có chết cũng chẳng chút hối hận với cựu thần lương đồng và hào mục sĩ dân”,* và *“khuyên nhủ ai nấy một lòng một dạ vì nghĩa hội, tìm mọi phương kế kháng địch đến cùng, chớ có nghe lời Tam cung và Viện Cơ Mật quy hàng mà bị bắt bị giết như tôi hiện nay”*.⁽¹³⁾ Cái chết và lời di huấn của Trần Văn Dư khiến cho những người chỉ huy và nghĩa quân không còn cách nào khác là phải kiên quyết tiếp tục cuộc kháng chiến. Nguyễn Duy Hiệu được cử thay Trần Văn Dư. Liên sau khi lên làm Hội chủ, ông cho xây dựng một loạt căn cứ kháng chiến ở phía nam huyện Hà Đông. Đại bản doanh ban đầu đóng tại làng Thanh Lâm, tổng Phước Lợi.⁽¹⁴⁾ Bảo vệ cho đại bản doanh có các cứ điểm như lũy Đá Ròng,⁽¹⁵⁾ Dốc Miếu, Dương Đế.⁽¹⁶⁾ Ông còn cho xây dựng pháp trường trừng trị những kẻ phản quốc và có nghĩa trang của các nghĩa sĩ tử trận.⁽¹⁷⁾ Dần về sau đại bản doanh mới di chuyển đến những nơi khác, nhưng cũng đều ở về phía nam hoặc tây nam của tỉnh Quảng Nam.

Không những chấn chỉnh lại Nghĩa hội Quảng Nam, Nguyễn Duy Hiệu còn cử người đi liên lạc thống nhất Nghĩa hội các tỉnh còn lại của nam Trung Kỳ từ Quảng Ngãi vào đến Phú Yên để tạo nên thế tương hỗ cho nhau. Để có danh nghĩa, ông cử người lên Tân Sở xin chỉ dụ của vua Hàm Nghi và bắt liên lạc với Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh. Được vua Hàm Nghi sắc phong chức Bình Bộ Tả Tham tri, sung Tham tán quân vụ đại thần kiêm lý Nam Ngãi Tổng đốc, Nguyễn Duy Hiệu trở thành thủ lĩnh của Nghĩa hội 3 tỉnh Quảng Nam-Quảng Ngãi-Bình Định.⁽¹⁸⁾ Hệ thống chính quyền những nơi quân Nghĩa hội kiểm soát được Nguyễn Duy Hiệu tổ chức rất quy củ. Các viên cai tổng, lý trưởng có tinh thần cần vương được giữ nguyên chức vụ. Những kẻ tiếp tay cho Pháp và ngụy Nam triều Đồng Khánh đều bị nghiêm trị. Viên Khâm sứ Trung Kỳ Jean Baille trong cuốn *Souvenir d'Annam* viết rằng: *“Hiệu đã gây nên một cuộc phiến loạn trong tỉnh Quảng Nam có tác động rộng rãi và có nhiều uy thế của một phong trào quốc gia. Hiệu đã khơi dậy tinh thần yêu nước trong đầu óc biết bao kẻ lâu nay chưa hề có ý thức. Hiệu đã nung nóng lên ở họ, kích thích thúc đẩy họ chiến đấu bằng một tình cảm nếu không phải là mới mẻ, thì ít ra cũng đã có ở đây tinh thần bài ngoại, tinh thần căm thù đối với người Pháp”*.⁽¹⁹⁾

Tại căn cứ Trung Lộc (Quế Sơn), Nguyễn Duy Hiệu cho xây dựng tân tỉnh với đủ 6 bộ, nha, thự, trại.⁽²⁰⁾ Để củng cố thêm tính chính thống, ông cho nghĩa quân áp sát thành tỉnh (Nam triều) ở La Qua, vào Văn Thánh rước 150 bài vị tiên thánh, tiên hiền cùng đồ thờ cúng lên tân tỉnh, lập đền Văn Thánh để quy tụ các Nho sĩ đi theo Nghĩa hội.⁽²¹⁾ Trong ý thức của nhân dân đương thời,

sự có mặt của tân tỉnh rất quan trọng, vì nó tượng trưng cho chính quyền chính thống và tổ chức tính chất hư ngụy của chính quyền Đồng Khánh.

Baillie thừa nhận: *“Được lệnh của Hiệu làng mạc đều tản cư, nông dân đốt nhà của thực hiện “vườn không nhà trống” để đối phó với quân đội ta [Pháp]. Một hôm, Hiệu ra lệnh trong phạm vi một vùng khá rộng, bảo dân chúng phải phá hoại tất cả nhà ngói, nhà đất, để cho quân ta không có chỗ lợi dụng đóng đồn bót và cơ quan ở đó. Lệnh này, được các nhà đại địa chủ, đại thương gia ngoan ngoãn chấp hành, họ tự tay phá hoại nhà cửa của họ”*.⁽²²⁾ Camille Paris, Giám thị công trường đặt đường dây thép Huế-Đà Nẵng trong cuốn hồi ký *“Du khảo dọc đường cái quan từ Huế vào Nam Kỳ”* cũng kể lại thái độ bất hợp tác với quân Pháp của người dân: *“Tất cả dân chúng đều lẫn trốn trên đường chúng tôi đi qua, ngoại trừ những người già cả và tàn tật. Trong tất cả các câu hỏi chúng tôi đặt ra, họ đều trả lời giống nhau là: không có biết... Chúng tôi không thể nào mua được thức ăn, cuối cùng phải sục sạo trong các căn nhà bỏ trống”*.⁽²³⁾

Sự bùng phát và lớn mạnh ngay thời gian đầu của Nghĩa hội Quảng Nam khiến cho Nam triều Đồng Khánh phải liên tiếp thay các viên quan đầu tỉnh. Sau khi Nguyễn Ngoạn bị nghĩa quân bắt đưa về an trí ở quê nhà tại Quảng Ngãi, Hồ Lệ được triều đình Huế đưa về làm Tuần phủ Quảng Nam, nhưng rồi Hồ Lệ *“vì hiện tình hạt ấy [Quảng Nam] khẩn cấp, hiểu dụ, ngăn chặn không công trạng, xin về kinh đợi tội”*. Châu Đình Kế được điều vào thay, mặc dù đã lập mưu sát hại được Hội chủ Trần Văn Dư, nhưng do *“toàn hạt Quảng Nam lại nhiều loạn lớn”*⁽²⁴⁾ nên cũng phải theo bước chân của Hồ Lệ liên tiếp dâng tâu xin về kinh nhận tội, vì *“Thế giặc tỉnh ấy lớn dần; quân tỉnh ấy trốn nhiều, hiện còn không mấy, chống giữ không đủ”*.⁽²⁵⁾

Chiến thuật của các nhà lãnh đạo Nghĩa hội là thực hiện những vụ tập kích hoặc chặn đánh tiêu hao sinh lực địch, khiến cho quân Pháp và quân Nam triều đối phó hết sức khó khăn. Khi bị tấn công vào các khu căn cứ, nghĩa quân một mặt tổ chức đánh trả, di chuyển từ căn cứ này đến căn cứ khác, một mặt luôn về tấn công vùng hậu phương của địch, buộc chúng phải đem quân về đối phó. Ở phía nam nghĩa quân đánh thắng cuộc hành quân “bình định” của quân Pháp tại dốc Suối Đá thuộc làng Ngọc Giáp vào ngày 29/01/1886,⁽²⁶⁾ khiến đối phương bị thiệt hại hơn 150 quân, buộc phải tháo lui. Tiếp đến, quân Nghĩa hội chặn đánh quân của Nguyễn Thân từ Quảng Ngãi kéo ra tại làng Trung Đàn⁽²⁷⁾ vào ngày 08/3/1886. Hơn 150 quân của Nguyễn Thân bị bắt và bị giết. Ở phía bắc, nghĩa quân đánh thắng đội quân khâm sai gồm 300 lính tập, được quân Pháp trang bị đến 200 khẩu súng do Phan Liêm lãnh mệnh của Đồng Khánh từ Huế kéo vào tại Bãi Chài. Quân Pháp đi cứu viện cũng bị đánh bại tại Gò Muồng.⁽²⁸⁾ Tỉnh thành Quảng Nam cũng đôi lần bị nghĩa quân tấn công.⁽²⁹⁾ Từ tháng Giêng cho đến tháng 6/1886 nghĩa quân liên tiếp đột kích, tập kích vào khu vực xung quanh Đà Nẵng. Thành Điện Hải, nơi đặt bản doanh và trú đóng của 150 quân Pháp,⁽³⁰⁾ lại có một hạm đội ở trong vịnh Đà Nẵng canh giữ cũng bị tấn công. Sau khi thông báo trước cho viên quan tư lệnh tối cao biết, ngày 16/5/1886 khoảng 400 nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của Tán Hàm (Nguyễn Hàm) và Tán Bùi đột nhập phóng hỏa đốt cháy 40 ngôi nhà xung quanh trại lính Pháp. Hai hôm sau, nghĩa quân quay lại đốt dây nhà do quân Pháp vừa mới dựng lên làm nơi tiếp phẩm tại chợ Hà Thân ở ngay hữu ngạn Sông Hàn,

nhưng quân Pháp ở thành Điện Hải không dám sang cứu viện.⁽³¹⁾ Trong trận Nam Chơn thuộc làng Chân Sảng ngay dưới chân đèo Hải Vân, vào đêm 28/02 rạng ngày 01/3/1886, khoảng 300 nghĩa quân đột kích giết chết viên đại úy chỉ huy Besson và 6 tên lính Pháp trong đoàn khảo sát, làm gián đoạn kế hoạch làm con đường Huế - Đà Nẵng của quân Pháp.⁽³²⁾ Dai dẳng nhất là những trận tấn công vào Trà Kiệu và Phú Thượng để bắt hai “Tây Dương đạo trưởng”, tức hai linh mục kích động giáo dân ở hai xứ đạo này. Với trận Trà Kiệu, quân Nghĩa hội đưa súng thần công và voi chiến đến vây suốt 21 ngày đêm nhằm bắt linh mục quản xứ Bruyère (tức Cố Nhơn). Tiếp đến, nghĩa quân bao vây Phú Thượng với 18 lần kịch chiến, trải qua hai giai đoạn: tháng 9-10/1885 và tháng 6-7/1886 để bắt cố đạo Maillard (tên Việt là Cố Thiên).

Tuy cho đến giữa năm 1886 nghĩa quân có nhiều trận chiến đấu ngoan cường, đánh thắng được các cuộc hành quân lớn của quân Pháp và quân Nam triều Đồng Khánh, nhưng cũng trong thời gian này lực lượng Nghĩa hội đã có dấu hiệu yếu dần so với đà tấn công ban đầu. Trước hết là do chỉ nhằm bắt hai “Tây Dương đạo trưởng” mà các nhà lãnh đạo đã dồn toàn lực Nghĩa hội và tốn quá nhiều thời gian tấn công vào các làng Công giáo ở Trà Kiệu và Phú Thượng, làm hao tổn sức chiến đấu của nghĩa quân và hao tổn quá nhiều đạn pháo vừa thu được từ tỉnh thành Quảng Nam, đến mức có ngày số đạn đại bác bắn vào Giáo xứ Trà Kiệu ước đến 500 quả,⁽³³⁾ trong khi đó nghĩa quân lại không tự tạo được vũ khí hiện đại để đối đầu với quân Pháp. Trong trận hợp quân với Nghĩa hội Bình Định tại Quảng Ngãi vào tháng 3 năm Bính Tuất để giúp khôi phục lại Nghĩa hội tỉnh này vừa bị Nguyễn Thân trở giáo đánh phá,⁽³⁴⁾ do bị lộ cơ mưu⁽³⁵⁾ nên khi quân Nghĩa hội Bình Định tiến ra trước (13/3 Bính Tuất, tức 16/4/1886) bị Nguyễn Thân cho quân phục kích đánh lui; khi 500 quân Nghĩa hội Quảng Nam tiến vào đến Trì Bình (15/3 Bính Tuất, tức 18/4/1886) cũng bị Nguyễn Thân cho quân đánh bọc hậu, nghĩa quân phải đánh xáp lá cà và dùng rơm, rạ đốt un khói nhằm ngăn quân Nguyễn Thân, nhưng gặp bất lợi gió đổi chiều, quân Nguyễn Thân nhân đó thừa thế phản công, Nguyễn Duy Hiệu phải cho đốt cầu làng Yên Trì để lui quân.⁽³⁶⁾ Trong trận này Nghĩa hội Quảng Nam tổn thất đến 300 quân (bị chết và bị bắt). Với trận Gia Cốc,⁽³⁷⁾ nghĩa quân lại tử trận 110 người và bị thương 110 người. Chủ trương vườn không nhà trống do các thủ lĩnh Nghĩa hội đưa ra tuy có gây một phần khó khăn cho quân Pháp và quân Nam triều trong thời gian đầu nhưng về sau lại phản tác dụng vì nhân dân phải nhiều lần tản cư vào rừng, sinh hoạt và sản xuất không ổn định nên việc đóng góp lương thực và sự hào hứng thực hiện chủ trương không còn nữa. Nghĩa hội lại không lập được cơ sở sản xuất tự cấp tự túc để chiến đấu lâu dài trên vùng rừng núi. Sự nghiêm khắc trong chủ trương thanh lọc nội bộ của Nguyễn Duy Hiệu bị những kẻ theo Nam triều lợi dụng tung tin “Hường Hiệu ác nhất” để hạ uy tín của ông và gây hoang mang trong nội bộ Nghĩa hội;⁽³⁸⁾ một số hào lý bỏ Nghĩa hội ra đầu thú Nam triều để được quan tước, bổng lộc. Việc tan rã nhanh chóng của Nghĩa hội Quảng Ngãi (7/1885), tiếp theo là Nghĩa hội Bình Thuận, Khánh Hòa (9/1886), Phú Yên (2/1887), rồi đến Nghĩa hội Bình Định cũng tan rã 3 tháng sau đó, khiến cho địa bàn nam Trung Kỳ từ sau tháng 5/1887 chỉ còn mỗi Nghĩa hội Quảng Nam. Trong khi đó, do điều kiện địa lý cách trở nên thiếu sự liên lạc hợp đồng chiến đấu với các trung tâm kháng chiến lớn ở phía bắc Trung Kỳ, khiến cho Nghĩa hội Quảng Nam rơi vào tình thế hai đầu thọ địch

(quân Nguyễn Thân từ Quảng Ngãi đánh ra, quân Pháp và đội quân Khâm sai của Nam triều từ Huế đánh vào). Sau khi tân tỉnh Trung Lộc bị quân Pháp tấn công, các thủ lĩnh Nghĩa hội phải chuyển đại bản doanh sang An Lâm,⁽³⁹⁾ nhưng tại đây Nghĩa hội bị quân sơn phòng Nghĩa-Định của Nguyễn Thân được quân Pháp cấp súng đang đêm đột kích đánh úp, bị tổn thất hơn 300 người, cùng một số chỉ huy gồm Lãnh binh, Đốc binh, Hiệp quản, Tán tương, Thương biện tử trận.⁽⁴⁰⁾ Các thủ lĩnh Nghĩa hội vừa thoát thân bèn chuyển sang đứng chân tại căn cứ mới ở Gò May thuộc nguồn Phước Sơn, nhưng lại bị quân Nguyễn Thân tập kích tiếp. Đến đây, Nghĩa hội Quảng Nam hoàn toàn tan rã (tháng 8/1887).

Dẫu “dậy mau, tan sớm” nhưng Nghĩa hội Quảng Nam đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân và văn thân tham gia; có phạm vi hoạt động rộng khắp các huyện trong tỉnh, chiếm giữ tỉnh thành hơn một tháng; có tổ chức quy củ; thể hiện sự quật khởi với nhiều cuộc tấn công vào tỉnh thành, cả doanh trại quân Pháp ở Đà Nẵng; giữ vai trò hạt nhân của Nghĩa hội các tỉnh Nam Trung Kỳ; có vị thủ lĩnh Trần Văn Dư với phẩm chất sáng trong vì việc nghĩa, trước khi tuần nạn vẫn kịp di huấn lại cho các đồng chí không được mắc mưu thương thuyết của Tam cung và Cơ Mật Viện mà hãy kháng chiến đến cùng; với Nguyễn Duy Hiệu vào hàng kiệt kiệt cùng với Phan Bá Phiến, Huỳnh Bá Chánh thuộc bộ ba lãnh đạo không chỉ với Quảng Nam mà cả tam tỉnh Nghĩa hội (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), khi bước đường cùng đã tự tìm đến cái chết để bảo toàn nghĩa khí: Phan Bá Phiến đốt hết giấy tờ rồi uống thuốc độc tự tử trước mặt Nguyễn Duy Hiệu để bảo toàn bí mật cho Nghĩa hội. Nguyễn Duy Hiệu và Huỳnh Bá Chánh tự về đồng bằng chấp nhận để cho giặc đến bắt, nhận hết trách nhiệm về mình với tâm niệm “*Đảng ta mà còn sau này có thành được cái chí hướng của ta, tức là ta vẫn sống*”.⁽⁴¹⁾ Nghĩa hội Quảng Nam thất bại nhưng đã đào luyện những người sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu trong các phong trào yêu nước tiếp theo (Duy Tân, Duy Tân hội, chống thuế) như Đỗ Đăng Tuyển, Châu Thơ Đồng, Lê Vĩnh Huy, tiêu biểu nhất là Tán tương Nguyễn Hàm, tức Tiểu La - Nguyễn Thành,⁽⁴²⁾ người khởi xướng cùng Phan Bội Châu lập Duy Tân hội và chủ trương Đông du cầu viện Nhật, được Phan Bội Châu xem là một “đại quốc sĩ”, “ông tổ mở mối”, người vạch ra “kế hoạch vĩ đại” cho đường lối cứu nước những năm đầu thế kỷ XX của mình.⁽⁴³⁾

N V M

CHÚ THÍCH

- (1) Sơn phòng này ở vùng núi Đèo Ron, nay thuộc xã Trà Dương của huyện Bắc Trà My, giáp với xã Tiên An của huyện Tiên Phước. Tác giả đã có lần đến tìm hiểu di tích này. Hiện vẫn còn bờ thành đá khá dài. Di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh.
- (2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb Thuận Hóa, 1998, tr. 556.
- (3) Nguyễn Đình Tự quê làng Hội An (nay thuộc xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam), ngụ làng Phú Thị (nay thuộc xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, cùng tỉnh).
- (4) Nay là xã Tam An, huyện Phú Ninh.
- (5) Dẫn theo bài viết của An Thiện “Vài nét về Trần Văn Dư với phong trào Nghĩa hội ở Quảng Nam”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam-Đà Nẵng*, Sở Văn hóa và Thông tin Quảng Nam-Đà Nẵng, số 3/1984, tr. 16.
- (6) Bản hịch này, qua khảo cứu ông Nguyễn Sinh Duy xác định do Hoàng giáp Phạm Như Xương, người làng Ngân Cầu, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Nam, thành phố Điện Bàn) trực tiếp chấp bút.

- (7) Dẫn theo Nguyễn Sinh Duy, *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*, Nxb Đà Nẵng, 1998, tr. 368.
- (8) Huỳnh Thúc Kháng, *Thư của Ủy ban Kháng chiến quân dân chính Chính phủ Việt Nam gửi đồng bào quốc dân, ngày 1/1/1947*. Bản gốc chữ Hán lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.
- (9) T.T.X, “Về đoạn cận sử 3 năm Hội Cần Vương ở Quảng Nam”, báo *Đuốc Nhà Nam*, số 16, tháng 3/1937.
- (10) Nam Chi, “Ba năm Hội Cần Vương ở Quảng Nam (1885-1887)”, báo *Tiếng dân* các số 1026-1031, tháng 2-3/1937.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 9, Nxb Giáo dục, 2007, tr. 181.
- (12) Trong *Việt Nam vong quốc sử*, Phan Bội Châu viết là Hồ Học. Ông Trần Ngọc Chương trong bản thảo *Lịch sử phong trào yêu nước, chống Pháp huyện Tiên Phước*, bản đánh máy, 1980, ghi tên đầy đủ là Hồ Đức Học, quê làng Tú Cẩm, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh), nhưng sách *Đại Nam thực lục chính biên* chỉ nhắc đến tên Nguyễn Học trong phong trào Cần Vương ở Quảng Nam.
- (13) Di bút của Trần Văn Dư. Dẫn theo Trần Ngọc Chương, tldd. Trong tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam-Đà Nẵng*, số 3, cũng có bản dịch di bút Trần Văn Dư của ông Nguyễn Đình Giản, nhưng có một vài đoạn không giống như bản dịch mà ông Trần Ngọc Chương đưa vào phụ lục trong bản thảo *Lịch sử phong trào yêu nước, chống Pháp huyện Tiên Phước*.
- (14) Nay còn địa danh Nà Lầu, tức Nà do Nguyễn Duy Hiệu dựng lầu. Địa danh này nay thuộc xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước. Cách đây khoảng 20 năm phát hiện được một khẩu súng thần công của Nghĩa hội tại khu vực Nà Lầu, đã đưa về trưng bày tại trung tâm văn hóa huyện.
- (15) Lũy Đá Rồng nay thuộc xã Tam Dân, huyện Phú Ninh.
- (16) Núi Dương Đế nằm giữa hai xã Tiên Phong, huyện Tiên Phước và Tam Phước, huyện Phú Ninh.
- (17) Pháp trường dựng ở Gò Lòn, Gò Chay, nay thuộc xã Tiên Mỹ. Nghĩa trang của Nghĩa hội hiện còn di tích ở xã Tiên Mỹ, huyện Tiên Phước.
- (18) Trong *Việt Nam vong quốc sử*, Phan Bội Châu cho biết chính Nguyễn Duy Hiệu đã nói với Phan Bá Phiến: “Nghĩa hội ba tỉnh thực là anh và tôi chủ trương”. Xem *Phan Bội Châu toàn tập*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 117.
- (19) Baille, *Souvenirs d’Annam (1886 -1890)*, Paris, 1890, tr. 72-73. Dẫn theo Trần Ngọc Chương, tldd, tr. 25-26, 27.
- (20) *Đại Nam thực lục*, sdd, tr. 285.
- (21) *Đại Nam thực lục*, sdd, tr. 253.
- (22) Baille, *Souvenirs d’Annam (1886-1890)*, Paris, 1890, tr. 72-73. Dẫn theo Trần Ngọc Chương, tldd, tr. 26.
- (23) Dẫn theo Phương Nghi, “Hoạt động của phong trào Nghĩa hội Quảng Nam-Đà Nẵng dưới ngòi bút của Camille Paris”, trong tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam-Đà Nẵng*, Sở Văn hóa và Thông tin Quảng Nam-Đà Nẵng, số 3/1984, tr. 24.
- (24) *Đại Nam thực lục*, sdd, tr. 213.
- (25) *Đại Nam thực lục*, sdd, tr. 219.
- (26) Nay thuộc xã Tam Dân, huyện Phú Ninh.
- (27) Nay thuộc xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh.
- (28) Nay thuộc xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc.
- (29) *Đại Nam thực lục*, sdd, tr. 234.
- (30) *Đại Nam thực lục*, sdd, tr. 149.
- (31) Ngô Văn Minh (chủ biên), *Lịch sử Đà Nẵng 1858-1945*, Nxb Đà Nẵng, 2007, tr. 100.
- (32) H. Cosserat, “Thảm kịch ở Nam Chơn (28 tháng 2-01 tháng 3/1886)”, tạp chí *Những người bạn cố đô Huế (BAVH)*, tập XII, năm 1925, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002, tr. 141-142. *Đại Nam thực lục* cũng nói đến trận này (Sdd, tr. 229).
- (33) Dẫn theo *Linh địa Trà Kiệu*, tr. 94.
- (34) Tác giả Nam Chi trong bài “Ba năm Hội Cần Vương” đăng báo *Tiếng dân* cho rằng nguyên do có trận đánh này là vì có sự kích bác lẫn nhau giữa Nguyễn Thân với các thủ lĩnh Nghĩa hội Quảng Nam. Chúng tôi cho rằng cách giải thích này không thỏa đáng. Do Nguyễn Thân trở giáo phản bội đàn áp được Nghĩa hội Quảng Ngãi, quân Nghĩa hội ở

Nam Trung Bộ chỉ còn hoạt động mạnh ở hai đầu, phía bắc là Quảng Nam, phía nam là Bình Định nên đương thời nhân dân ta thán: “*Đời mô cực khổ như rì/ Ở giữa đòn gánh, trạc ky hai đầu*”, ám chỉ *Ở giữa Đồng Khánh, Hàm Nghi hai đầu*, tức quân Nguyễn Thân của Đồng Khánh ở Quảng Ngãi, quân Nghĩa hội hưởng ứng dự Cần Vương của vua Hàm Nghi ở Quảng Nam và Bình Định.

- (35) Theo ông Trần Ngọc Chương thì có tài liệu cho rằng vì Bùi Điền trong hàng thủ lĩnh Nghĩa hội Bình Định viết thư gửi cho Nguyễn Duy Hiệu hẹn ngày 13/3 năm Bính Tuất sẽ hội quân hai tỉnh tại Quảng Ngãi để cùng đánh quân Nguyễn Thân, nhưng Bùi Điền thiếu cẩn trọng không viết “thập tam” (十三) theo chữ kép (拾叁) dùng trong kế tự. Người đưa thư của Bùi Điền đến Quảng Ngãi bị bắt, Nguyễn Thân cho sửa thư lại thành “thập ngũ” (十五) (ngày 15) rồi sai người của mình giả làm người liên lạc của Bùi Điền đem thư đến Dốc Sỏi (địa giới giữa hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi) giao cho quân Nghĩa hội Quảng Nam.
- (36) Từ đó địa danh này gọi là Cầu Cháy (tức cầu do quân Nghĩa hội Quảng Nam đốt cháy).
- (37) Nay thuộc xã Đại Minh, huyện Đại Lộc.
- (38) Về cái chết của Phan Văn Bình (thân phụ của Phan Châu Trinh) giữ chức Chuyển vận sứ cho Nghĩa hội, theo ông Trần Ngọc Chương thì ông Lê Bá Khả, cháu nội Tán tướng Lê Vĩnh Huy kể lại, chính ông Lê Vĩnh Huy cho biết Trần Đình do bất đồng chính kiến với Phan Văn Bình bèn đem pha vu cáo ông Bình mưu phản nên bị giết. Về sau Trần Đình mưu phản bị Nguyễn Duy Hiệu xử tội, đến lúc đó ông Hiệu mới hối tiếc về việc xử oan ông Bình. Nhưng theo bà Lê Thị Kinh (cháu ngoại Phan Châu Trinh) thì ông Bình bị một tên cai tổng của Nam triều Đồng Khánh tại địa phương bí mật sát hại rồi đổ cho Nguyễn Duy Hiệu tàn ác giết ông Bình để nội bộ Nghĩa hội nghi ngờ thủ lĩnh của mình.
- (39) Nay thuộc xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước.
- (40) *Đại Nam thực lục*, sđd, tr. 351.
- (41) *Phan Bội Châu toàn tập*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 118.
- (42) Nguyễn Hàm vốn tên là Nguyễn Văn Thành, thường gọi là Nguyễn Thành. Khi tham gia lập Duy Tân hội ông lấy biệt hiệu là Tiểu La.
- (43) *Phan Bội Châu toàn tập*, Tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 281, 282, 279.

TÓM TẮT

Trong phong trào Cần Vương vào nửa cuối thế kỷ XIX, Quảng Nam là nơi sớm ứng nghĩa với tổ chức Nghĩa hội do Trần Văn Dư, về sau là Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo. Nghĩa hội Quảng Nam đã thu hút rộng rãi sự tham gia của các tầng lớp nhân dân và văn thân, có phạm vi hoạt động rộng khắp trong tỉnh; có tổ chức quy củ; thể hiện sự quật khởi trong thời gian đầu và giữ vai trò hạt nhân của Nghĩa hội các tỉnh nam Trung Kỳ. Tuy nhiên, do có những hạn chế trong tư duy lãnh đạo của các thủ lĩnh; sự tan rã sớm của Nghĩa hội các tỉnh bạn phía nam và sự cách trở địa lý không thể liên lạc được với các nghĩa hội phía bắc Trung Kỳ khiến cho Nghĩa hội nơi đây rơi vào thế “luống đầu thọ địch”, đi đến tan rã vào tháng 8/1887, sau hai năm hoạt động. Tuy thất bại nhưng từ trong phong trào đã đào luyện được những người sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu trong các phong trào yêu nước những năm đầu thế kỷ XX.

ABSTRACT

“NGHĨA HỘI QUẢNG NAM” MOVEMENT

Quảng Nam was the early place to respond to the Cần Vương (Aid the King) movement in the second half of the nineteenth century by organizing “Nghĩa hội Quảng Nam” led by Trần Văn Dư, and later, Nguyễn Duy Hiệu. “Nghĩa hội Quảng Nam” attracted the widespread participation of patriotic feudal intellectuals and every social class, and extensively developed in the whole province; it was methodically organized and took the nucleus role of Cần Vương movements of the Southern Central provinces. However, due to the restrictions of the leaders’ thoughts, the early break-up of patriotic movements in Southern Central provinces and the geographical separation between patriotic movements in Northern Central provinces, “Nghĩa hội Quảng Nam” movement had to confront the enemy from both sides; as a result, it was broken up in August 1887, after two years of fighting. Though the movement was unsuccessful, its eminent members were trained to continue fighting in patriotic movements in the early twentieth century.